

Số: 8807 /QĐ-UBND

Quận 10, ngày 08 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách Quận 10 năm 2020

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 10

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 224/NQ-HĐND ngày 06 tháng 5 năm 2021 của Hội đồng nhân dân Quận 10 Khóa X tại kỳ họp thứ Hai Mươi Hai nhiệm kỳ 2016 – 2021 về quyết toán ngân sách nhà nước và địa phương năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 225/NQ-HĐND ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Hội đồng nhân dân Quận 10 Khóa X tại kỳ họp thứ Hai Mươi Ba nhiệm kỳ 2016 – 2021 về điều chỉnh quyết toán thu ngân sách nhà nước và thu, chi ngân sách địa phương năm 2020;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch Quận 10 tại Tờ trình số 1115/TTr-TCKH ngày 20 tháng 12 năm 2021 về việc công bố công khai quyết toán ngân sách Quận 10 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

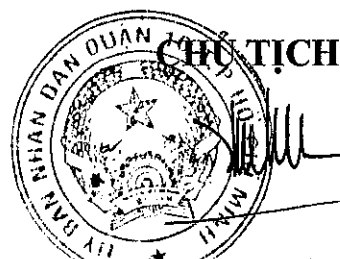
Điều 1. Công bố công khai quyết toán ngân sách của Quận 10 năm 2020 (các biểu đính kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

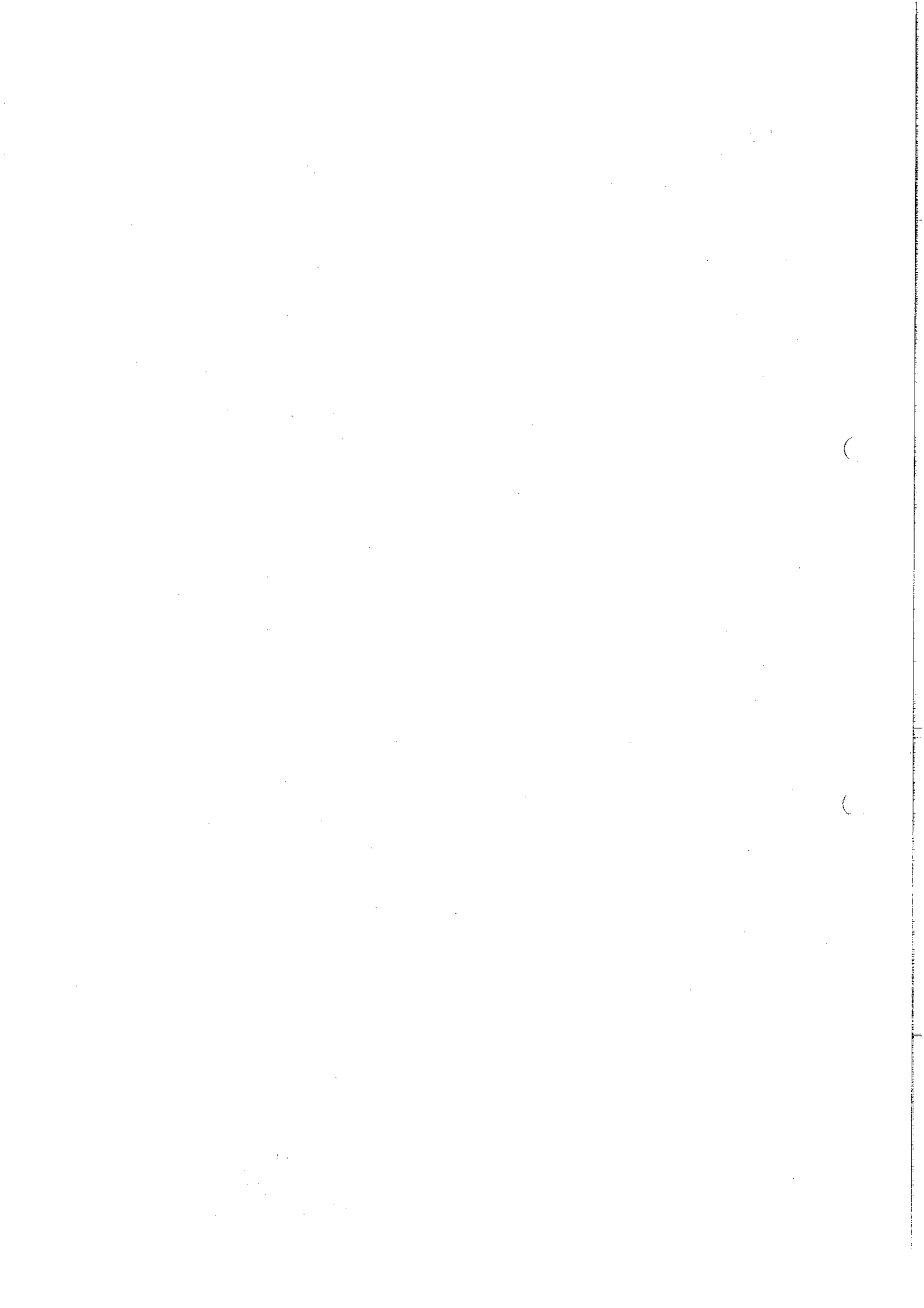
Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Quận 10, Trưởng Phòng Tài chính – Kế hoạch Quận 10, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 14 phường, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan thuộc Quận 10 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Sở Tài chính T/p;
- UBND Q10 (CT, PCT);
- VP. UBND Q10;
- Lưu: VT.



Nguyễn Thị Thu Hương



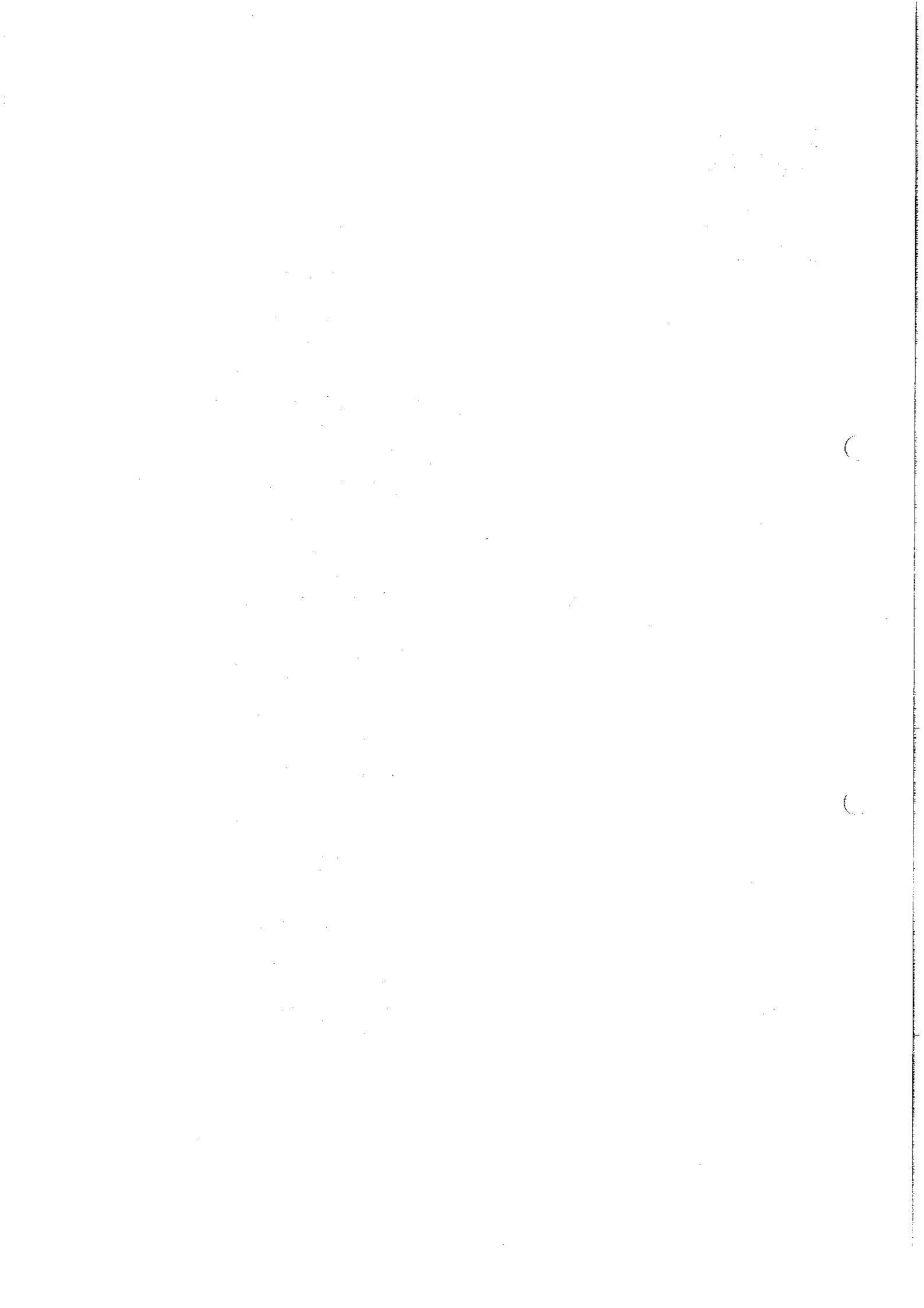


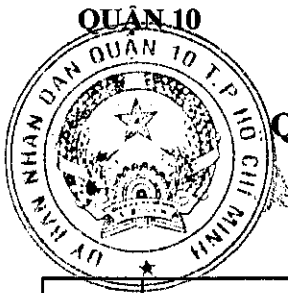
CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2020

(Kèm quyết định số 8807/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2021)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	2.222.000	1.964.278	88,40%	78,15%
<i>I</i>	<i>Thu cân đối NSNN</i>	2.222.000	1.964.278	88,40%	78,15%
1	Thu nội địa	2.222.000	1.964.278	88,40%	78,15%
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên				
3	Thu viện trợ				
<i>II</i>	<i>Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang</i>				
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	896.223	976.502	108,96%	89,49%
<i>I</i>	<i>Tổng chi cân đối ngân sách quận</i>	896.223	976.502	108,96%	89,49%
1	Chi đầu tư phát triển	18.148	23.591		61,72%
2	Chi thường xuyên	861.259	731.395	84,92%	92,00%
3	Dự phòng ngân sách	16.816	0	0,00%	
4	Chi hoàn trả ngân sách cấp trên		25.940		
5	Chi BSNS cấp dưới	165.953	132.472	79,82%	88,24%
6	Chi chuyển nguồn		195.575		
<i>II</i>	<i>Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS cấp tỉnh</i>				





QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2020

(Kèm quyết định số 8808/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2021)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Thực hiện	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	2.222.000	1.964.278	88,40%	78,15%
I	Thu nội địa	2.222.000	1.964.278	88,40%	78,15%
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước	20.000	22.093	110,46%	100,61%
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	60.000	63.561	105,94%	30,95%
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	1.105.000	951.187	86,08%	74,04%
4	Thuế thu nhập cá nhân	425.000	389.052	91,54%	91,56%
5	Thuế bảo vệ môi trường				
6	Lệ phí trước bạ	221.000	175.445	79,39%	76,86%
7	Thu phí, lệ phí	54.200	35.119	64,80%	91,23%
8	Lệ phí môn bài	20.800	21.189	101,87%	96,70%
9	Các khoản thu về nhà, đất	231.000	210.108	90,96%	100,17%
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp				
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	10.000	19.221	192,21%	100,04%
-	Thu tiền sử dụng đất	31.000	8.455	27,27%	41,48%
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	190.000	182.432	96,02%	
-	Thuế đất				
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước				
11	Thu hồi vốn đầu tư				
12	Thu khác ngân sách	85.000	96.524	113,56%	89,33%

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Thực hiện	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
13	Thu hưởng thêm từ DN TW và TP				
14	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác				
II	Thu viện trợ				
B	THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	257.125	274.902	106,91%	79,36%
1	Từ các khoản thu phân chia	215.930	170.162	78,80%	74,32%
2	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%	41.195	104.740	254,25%	89,17%

QUẬN 10



QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2020

(Kèm quyết định số 8807 /QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2021)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Thực hiện năm	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	896.223	976.502	108,96%	82,95%
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	896.223	976.502	108,96%	82,95%
I	Chi đầu tư phát triển	18.148	23.591		60,91%
1	Chi đầu tư cho các dự án	18.148	23.591		61,72%
2	Chi đầu tư phát triển khác				
II	Chi thường xuyên	861.259	731.395	84,92%	92,00%
	Trong đó:				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	355.459	269.954	75,95%	79,20%
2	Chi khoa học và công nghệ				
3	Chi y tế, dân số và gia đình	68.841	33.935	49,30%	64,55%
4	Chi văn hóa thông tin	3.282	1.066	32,47%	86,46%
5	Chi phát thanh, truyền hình				
6	Chi thể dục thể thao	1.843	242	13,14%	152,00%

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Thực hiện năm	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
7	Chi bảo vệ môi trường				
8	Chi hoạt động kinh tế	86.631	62.317	71,93%	123,00%
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	206.021	203.393	98,72%	97,19%
10	Chi bảo đảm xã hội	78.694	107.658	136,81%	128,00%
11	Chi ANQP và TTAT xã hội	52.120	50.011	95,95%	95,39%
12	Chi CD, CS mới phát sinh				
13	Chi khác NS	8.368	2.820	33,70%	83,04%
III	Dự phòng ngân sách	16.816	-	0,00%	
IV	Chi hoàn trả ngân sách cấp trên		25.940		
V	Chi bổ sung cân đối cho ngân sách cấp xã	165.953	132.472	79,82%	88,24%
VI	Chi chuyển nguồn		195.575		48,12%
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN				
1	Chương trình mục tiêu quốc gia				
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư				
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên				